

ÔN TẬP VĂN BẢN TỪ TUẦN 1 – TUẦN 9.

I. BẢNG HỆ THỐNG CÁC TÁC PHẨM.

| STT | TÊN TÁC PHẨM | TÁC GIẢ | TÁC PHẨM | GIÁ TRỊ NỘI DUNG/ NGHỆ THUẬT |
|-----|---------------------------|--|--|--|
| 1 | TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP | <p>Hồ Chí Minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. - Không chỉ vậy, Bác còn là một nhà văn, nhà thơ và nhà chính trị kiệt xuất. | <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 19/8/1945, Cách mạng tháng tám thành công ở Hà Nội, chính quyền về tay nhân dân. Ngày 26 – 8 – 1945, chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu cách mạng Việt Bắc về tới Hà Nội và ngay đêm hôm đó, tại căn nhà số 48, phố Hàng Ngang, Người soạn thảo bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i>. - Ngày 2 – 9 – 1945, tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, trước hàng vạn đồng bào, Người thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đọc bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> khai sinh ra nước Việt Nam mới. | <p>* Giá trị nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phần cơ sở pháp lý, Hồ Chủ tịch trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mỹ là hai bản tuyên ngôn của kẻ thù, đồng thời hai bản tuyên ngôn này đều nhấn mạnh những quyền cơ bản của con người; những quyền được thế giới công nhận và xem đó là chân lý, không ai có quyền xâm phạm. Đồng thời việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn của kẻ thù nhằm mục đích lấy “lấy gậy ông đập lưng ông”, đặt ngang hàng ba nền độc lập với nhau. Phần cơ sở pháp lý đóng vai trò là tiền đề, là bản đạp là cơ sở để tố cáo tội ác kẻ thù ở phần cơ sở thực tiễn. + Phần cơ sở thực tiễn, người đã đưa ra các bằng chứng thực tế và hết sức thuyết phục để tố cáo tội ác của kẻ thù trên các phương diện kinh tế, văn hóa, giáo dục và ngoại giao. Đây cũng là phần đấu tranh bằng lí lẽ bác bỏ luận điệu tuyên truyền mà thực dân Pháp đưa ra khi chúng quay trở lại xâm lược nước ta. + Từ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn, người đi đến tuyên bố thoát li hẳn quan hệ với pháp, khẳng định quá trình giải phóng dân tộc đầy gian khổ, thuyết phục các nước đồng minh công nhận nền độc lập và thể hiện quyết tâm giữ vững nền độc lập đó. <p>* Giá trị nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống luận đề, lí lẽ (luận cứ), |

| | | | | |
|---|-----------------|--|--|---|
| | | | | <p>dẫn chứng rõ ràng, xác thực.</p> <p>Lập luận chặt chẽ, danh thép, giàu sức thuyết phục; ngôn ngữ hùng hồn, giàu cảm xúc.</p> |
| 2 | TÂY TIẾN | <p>Quang Dũng Là một nghệ sĩ đa tài nhưng trước hết là một nhà thơ</p> <p>Quang Dũng mang hồn thơ lãng mạn, hồn hậu và hào hoa</p> | <p>Tây Tiến là bài thơ tiêu biểu của Quang Dũng được viết vào năm 1948 khi ông rời binh đoàn Tây Tiến về nhận nhiệm vụ mới tại làng Phù Lưu Chanh.</p> <p>Ban đầu bài thơ có tên là “Nhớ Tây Tiến” về sau đổi thành “Tây Tiến”. Việc đổi tên này là phù hợp bởi lẽ toàn bài thơ đã là một nỗi nhớ da diết.</p> <p>Tác phẩm được in trong tập Mây đầu ô</p> <p>Binh đoàn Tây Tiến: Thành phần bao gồm học sinh sinh viên, thanh niên Hà Thành; Địa bàn hoạt động khu vực Tây Bắc tới bên kia biên giới Việt Lào; Điều kiện khắc nghiệt khó khăn, tinh thần kiên cường lạc quan.</p> | <p>* Giá trị nội dung:</p> <p>- Tác phẩm đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền thiên nhiên Tây Bắc vừa hùng vĩ vừa trữ tình thể hiện nỗi nhớ da dết của nhà thơ.</p> <p>+ Hình tượng thiên nhiên hùng vĩ dữ dội được hiện lên thông qua cuộc hành quân đầy gian khổ của những người lính Tây Tiến. Song song với đó vẻ đẹp trữ tình cũng được tái hiện thông qua đêm hội liên hoan cùng hình ảnh con người và sông nước nơi đây.</p> <p>+ Hình tượng người lính Tây Tiến được tái hiện thông qua ba khía cạnh: Hào hùng, hào hoa, và sự hi sinh bi tráng. Hào hùng ở chỗ khó khăn, thử thách, mưa rừng sốt rét cũng không làm lùi bước được những chiến sĩ trẻ. Ngược lại vẻ đẹp của họ càng được hình tượng hóa trở nên oai hùng dưới cái nhìn đầy lạc quan. Hòa hoa ở những giấc chiêm bao, những đêm mơ về “dáng Kiều thơm”. Và cuối cùng sự hi sinh bi tráng của họ được thể hiện ở những nắm mồ vô danh nằm rải rác bên đường, ở lý tưởng ra đi chẳng tiếc đời xanh. Những hi sinh bi thương mà không hề bi lụy.</p> <p>* Giá trị nghệ thuật:</p> <p>Cảm hứng lãng mạn, tâm hồn bi tráng.</p> <p>Ngôn từ linh hoạt đầy chất nhạc.</p> <p>Kết cấu đầu cuối tương ứng (Sông Mã)</p> |
| | | Tố Hữu | - Việt Bắc là một | * Giá trị nội dung: |

| | | | | |
|---|----------|---|---|--|
| 3 | VIỆT BẮC | <p>Là lá cờ đầu của nền thơ ca Cách mạng</p> <p>Tố Hữu nổi bật với phong cách nghệ thuật đặc trưng giàu chất trữ tình chính trị mang tính dân tộc đậm đà</p> | <p>trong những tác phẩm tiêu biểu của Tố Hữu.</p> <p>- Tháng 10 năm 1954 sau khi Hiệp định Giơ – ne – vơ được ký kết cán bộ phải rời chiến khu Việt Bắc để tiếp quản thủ đô. Trong thời khắc lịch sử ấy tác giả đã viết nên tác phẩm này.</p> | <p>+ Đoạn thơ đầu là khung cảnh cuộc chia tay đầy lưu luyến giữa nhân dân với cán bộ kháng chiến khắc sâu nghĩa tình sâu đậm của nhân dân.</p> <p>+ Đoạn thơ tiếp theo là những kỉ niệm đầy nhớ thương về thiên nhiên và con người Việt Bắc trong nỗi nhớ của người cán bộ kháng chiến về xuôi. Thiên nhiên hiện lên với vẻ đẹp trữ tình, thơ mộng gắn bó với con người trong cuộc kháng chiến. Hình ảnh con người trong đoạn thơ tuy có cuộc sống gian khó nhưng thủy chung, ơn nghĩa chia ngọt sẻ bùi với kháng chiến.</p> <p>+ Đoạn thơ cuối: Hình ảnh Việt Bắc ra trận với hình ảnh kì vĩ, nhịp điệu dồn dập, hào hùng thể hiện sức mạnh vĩ đại của cuộc kháng chiến và niềm tin chiến thắng của dân tộc.</p> <p>* Giá trị nghệ thuật:</p> <p>Chất trữ tình chính trị mang tính dân tộc đậm đà.</p> <p>Vận dụng sáng tạo lối đối đáp mình ta trong ca dao tình yêu đôi lứa để nói về tình quân dân.</p> <p>Sử dụng biện pháp nghệ thuật đặc sắc</p> <p>Giọng thơ gần gũi, mộc mạc, dễ hiểu.</p> |
| 4 | SÓNG | <p>Xuân Quỳnh</p> <p>Là một nhà thơ nữ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ</p> <p>Thơ Xuân Quỳnh là tiếng nói tâm hồn của một người phụ nữ giàu trắc ẩn, vừa hồn nhiên tươi tắn, vừa chân thành đằm thắm và luôn luôn da diết trong khát vọng</p> | <p>- Sóng là một tác phẩm tiêu biểu của Xuân Quỳnh được trích trong tập Hoa dọc chiến hào sáng tác năm 1967.</p> | <p>* Giá trị nội dung:</p> <p>- Tác phẩm là tiếng lòng của người phụ nữ khi yêu với tất cả những cung bậc cảm xúc chân thực nhất, những nỗi nhớ và khát vọng hạnh phúc đời thường.</p> <p>+ Cung bậc cảm xúc trong tình yêu của người phụ nữ khi dữ dội ồn ào lúc lại dịu êm lặng lẽ.</p> <p>+ Mong muốn tự khám phá, tự nhận thức trong tình yêu.</p> |

| | | | | |
|---|-----------------|--|---|--|
| | | về một hạnh phúc đời thường. | | + Nỗi nhớ và lòng thủy chung của người con gái trong tình yêu + Khát vọng được tan ra để có một tình yêu vĩnh hằng. * Giá trị nghệ thuật: Thể thơ năm chữ Vận dụng sáng tạo hình ảnh ẩn dụ con sóng để chỉ tâm trạng, cảm xúc của người con gái trong tình yêu. |
| 5 | ĐẤT NƯỚC | Nguyễn Khoa Điềm Là một trong số những nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Thơ ông là sự hợp giữa chất chính luận và chất trữ tình, giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng. | Đất Nước được trích từ chương V của trường ca “Mặt đường khát vọng” viết để thức tỉnh tuổi trẻ ở thành thị vùng bị tạm chiến ở Việt Nam trước 1975. Tác phẩm là sự cảm nhận của tác giả về Đất Nước dưới niềm bình diện để cuối cùng làm nổi bật tư tưởng xuyên suốt “Đất Nước của nhân dân”. | * Giá trị nội dung: - Lý giải cội nguồn, định nghĩa về Đất Nước thông qua những điều bình dị, gần gũi. Từ đó đi cảm nhận về đất nước dưới chiều dài thời gian, chiều rộng không gian. Cùng với đó là sự nhận thức về trách nhiệm của mỗi người dân đối với Đất Nước của mình. - Cảm nhận về đẹp của Đất Nước dưới nhiều bình diện: Địa lý, lịch sử, văn hóa. Từ đó nổi bật tư tưởng Đất Nước của Nhân Dân. * Giá trị nghệ thuật: Thể thơ tự do Kết hợp giữa chất trữ tình và chất chính luận Vận dụng sáng tạo chất liệu dân gian. Nhịp điệu có sự linh hoạt. |

II. NGHỊ LUẬN

1. Kỹ năng viết đoạn nghị luận xã hội.

* Tích lũy kiến thức cho các vấn đề nghị luận xã hội.

- Quan sát
- Ghi chép: ghi chép về hiện tượng
- Phân tích: đưa ra cái nhìn về vấn đề
- Hệ thống

* Tìm ý và lập dàn bài

- Đọc kĩ đề bài -> chỉ ra từ khóa + xác định trùng vấn đề.

- Bám vào từ khóa -> tìm ý + đặt câu hỏi + trả lời câu hỏi

Ví dụ cụ thể:

- Đề 1: Em suy nghĩ gì về lòng dũng cảm của tuổi trẻ Việt Nam ngày hôm nay?

=> Biểu hiện của lòng dũng cảm.

- Đề 2: Theo em, tuổi trẻ Việt Nam cần làm gì để rèn luyện lòng dũng cảm sẵn sàng đối mặt với những thách thức của cuộc sống?

=> Biện pháp để rèn luyện lòng dũng cảm.

- Đề 3: Theo em, lòng dũng cảm có vai trò như thế nào trong cuộc sống ngày hôm nay?

=> Ý nghĩa của lòng dũng cảm.

- Đề 4: Em suy nghĩ gì về vấn đề: Dũng cảm là một yếu tố quan trọng để khởi nghiệp?

=> Vai trò, ý nghĩa của lòng dũng cảm trong khởi nghiệp.

2. Nghị luận phân tích một đoạn thơ.

* *Tìm hiểu đề*

- Đề nổi: Đề bài đưa ra nội dung cảm nhận cụ thể. VD: *Cảm nhận của anh/chị về khung cảnh thiên nhiên và hình ảnh người lính trong khổ 1 của bài thơ Tây Tiến (Quang Dũng).*

-> Có nội dung cảm nhận cụ thể: Khung cảnh thiên nhiên và hình ảnh người lính

- Đề chìm: Đề bài không đưa ra một cách dễ dàng những yêu cầu nghị luận; người viết phải tự tìm các yêu cầu.

VD: *Cảm nhận của anh/chị về khổ 1 của bài thơ Tây Tiến (Quang Dũng).*

-> Không có định hướng cụ thể - Cần tìm hiểu phạm vi, giới hạn, yêu cầu của đề

* *Lập ý*

- Đề nổi: Dựa vào từ khóa để xây dựng hệ thống luận điểm trung tâm – bộ phận.

- Đề chìm: Đặt câu hỏi để xây dựng luận điểm

+ Nói về nội dung gì?

- Nội dung đó được thể hiện đặc sắc như thế nào?

VD: *Cảm nhận của anh/chị về khung cảnh thiên nhiên và hình ảnh người lính trong khổ 1 của bài thơ Tây Tiến (Quang Dũng)* cần làm rõ 2 vấn đề: Hình ảnh thiên nhiên: (Thiên nhiên dữ dội, hùng vĩ; Thiên nhiên thơ mộng, trữ tình) và hình tượng người lính (Nét vẽ hào hùng; Nét vẽ hào hoa).

VD: *Cảm nhận của anh/chị về khổ 1 của bài thơ Tây Tiến (Quang Dũng)* cần làm rõ các nội dung: Nội dung: Thiên nhiên Tây Bắc (Hùng vĩ; Thơ mộng); Hình tượng người lính Tây Tiến (Hào hùng; Hào hoa; Chất lãng mạn); Ngôn từ; Giọng điệu.

* *Viết bài:*

3. Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

* *Tìm hiểu đề và lập ý:*

- Tìm từ khóa.

- Xác định phạm vi vấn đề.

+ Lí luận văn học.

- + Văn học sử.
- + Tác phẩm văn học.

* **Viết bài:**

a. Mở bài

- Giới thiệu tác giả.
- Giới thiệu tác phẩm.
- Giới thiệu yêu cầu đề.

b. Thân bài

- Giải thích chung.
- Phân tích, chứng minh cụ thể.
- Đánh giá.

c. Kết bài

- Nhìn lại vấn đề.
- Nêu cảm nhận cá nhân.

4. Nghị luận dạng văn học so sánh.

* Những kiểu bài so sánh:

- So sánh nội: yêu cầu so sánh được thể hiện rõ ràng.
- So sánh chìm: yêu cầu so sánh không trực tiếp được đặt ra.
- Liên hệ.